TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29/9/2025
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tiến Nghị
Các Hội thẩm nhân dân:Bà Nguyễn Thị Sâm
Bà Lê Thị Hồng Ánh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Huy- Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Phú Thọ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2025 về "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên toà số 58 /2025/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1993.
Địa chỉ: Khu C, xã C, tỉnh Phú Thọ.
- *Bị đơn:* Anh Đặng Phương H1, sinh năm 1993
Địa chỉ: Khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 03/7/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Phương H1 kết hôn ngày 17/7/2019, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ nay là xã C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị và anh H1 ở chung với bố mẹ anh H1 tại khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hoà thuận hạnh phúc khoảng hơn 4 năm năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ

chồng thường xuyên ở xa nhau nên xảy ra mâu thuẫn trong việc làm kinh tế và nuôi dạy con cái. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hoà giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 1 năm 2025 đến nay, chị và anh H1 đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đặng Phương H1.

Về con chung*:* Chị H và anh H1 có 01 con chung là Đặng Bảo N, sinh ngày 18/4/2020, đang ở cùng chị H. Chị H hiện làm quản lý kho tại Công ty TNHH J, địa chỉ: Lô Đ Khu công nghiệp C, xã C, tỉnh Phú Thọ, thu nhập từ 12.000.000đồng -14.000.000đồng/ tháng. Khi ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp*:* Chị Trần Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Phía bị đơn anh Đặng Phương H1: Toà án nhân dân khu vực 6- Phú Thọ đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, báo anh H1 đến làm việc nhiều lần nhưng anh H1 đều vắng mặt, do vậy hồ sơ không thể hiện quan điểm của anh H1.

3. Bà Lê Thị H2 (Mẹ đẻ anh H1) trình bày: Chị H và anh H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17/7/2019 tại UBND xã P nay là xã C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị H và anh H1 ở chung với gia đình bà. Quá trình chung sống anh chị có xảy ra mâu thuẫn do anh H1 đi làm xa, vợ chồng không thường xuyên ở cùng nhau dẫn đến thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Chị H về nhà bố mẹ đẻ ở tại khu C, xã C từ tháng 1 năm 2025 đến nay, vợ chồng cũng sống ly thân từ đó. Trong thời gian chị H và anh H1 sống ly thân, anh H1 nhiều lần đến xin lỗi, động viên và tìm cách khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nhưng chị Hoa cương Q không đồng ý. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh H1, anh H1 đã biết nhưng có quan điểm là anh níu kéo chị H nhiều nhưng không được nên không đến Toà án làm việc nữa, chị H đề nghị ly hôn thì Toà án cứ giải quyết theo yêu cầu của chị H. Chị H và anh H1 có 01 con chung Đặng Bảo N, sinh ngày 18/4/2020, hiện đang ở cùng chị H. Anh H1 có nói lại với bà là chị H muốn nuôi con thì cứ để cho chị H được nuôi con. Các văn bản tố tụng do Toà án tống đạt cho anh H1, bà H2 nhận thay và cam kết giao lại cho anh H1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Đúng thành phần, đúng quy định từ khi mở phiên toà cho đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc tuân theo pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật, không có mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án là vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70; Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điều 238, điều 271 và điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82; và điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đặng Phương H1.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Đặng Bảo N, sinh ngày 18/4/2020 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Đặng Phương H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Anh Đặng Phương H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp*:* Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị H chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:*

Chị Trần Thị H yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn. Bị đơn anh Đặng Phương H1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Phú Thọ.

Nguyên đơn chị Trần Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Đặng Phương H1 đã được Toà án triệu tập đến phiên toà hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228;

Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung:*

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị H và anh Đặng Phương H1 kết hôn ngày 17/7/2019, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nay là xã C, tỉnh Phú Thọ. Hôn nhân giữa chị H và anh H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, do đó là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của chị H, bà Hồng M đẻ anh H1 và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh H1 tại UBND xã C thì xác định được hôn nhân của chị H và anh H1 có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng thiếu sự quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống dẫn đến bất hoà và không còn tình cảm. Từ đầu năm 2025, chị H về ở tại nhà bố mẹ đẻ tại khu C, xã C, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để anh H1 được trình bày ý kiến cũng như hòa giải việc ly hôn nhưng anh H1 vẫn vắng mặt thể hiện anh H1 không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn anh H1 là phù hợp thực tế và đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh H1 có 01 con chung là Đặng Bảo N, sinh ngày 18/4/2020, hiện đang ở cùng chị H. Chị H có nguyện vọng trực tiếp nuôi con chung, anh H1 vắng mặt nên không có quan điểm về việc nuôi con. Xét thấy chị H có công việc, thu nhập ổn định. Do vậy để đảm bảo sự ổn định và phát triển về mọi mặt của con chung, cần giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H tự nguyện không đề nghị anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung cần chấp nhận.

2.3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức đóng góp:* Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí*: Buộc chị Trần Thị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 51; 56; 81; 82; và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Đặng Phương H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đặng Bảo N, sinh ngày 18/4/2020 kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Anh Đặng Phương H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H do chị H không yêu cầu.

Anh Đặng Phương H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị Trần Thị H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000183 ngày 11/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND khu vực 6 – Phú Thọ;
- THADS tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu HS+ VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Hà Tiến Nghị